

Bản án số: 50/2021/HS - PT
Ngày: 27 - 10 - 2021

**NHÂN DANH
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy và ông Trần Văn San.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Công Đoàn - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 27/10/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên toà xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 71/2021/HSPT ngày 13/9/2021 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HSST ngày 04/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Lê X, xã Tiên S, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị H; có vợ Nguyễn Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 25/7/2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội “Đánh bạc”; bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

Bị cáo không kháng cáo:

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Phúc H2, xã Hợp L, huyện Lý N, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

- Phạm Thanh S, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ dân phố Quang Á, phường Lam H, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

Người bị hại không kháng cáo: Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Chúc Q, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 9, phường Trần Hưng Đ, thành phố Phủ L, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn Lê X, xã Tiên S, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ có thuê phòng trọ của ông Trần Văn T nên Đ biết nhà xưởng của ông T có máy cắt, uốn sắt. Ngày 20/01/2021, Đ có ý định trộm cắp chiếc mô tơ máy cắt sắt của ông T để thay thế sang máy cắt sắt của mình bị hỏng. Do quen biết và cùng trọ tại khu xưởng nhà ông T, nên Đ sử dụng điện thoại gọi cho Th và nói: “Mày có ở lán trọ không, tắt camera đi để anh lấy mô tơ”. Th hiểu ý Đ muốn tắt camera khu nhà xưởng của ông T để Đ lấy trộm mô tơ, nhưng do Th đang đi làm ở công trường, nên không về được. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/01/2021, Th rủ Phạm Thanh S sang phòng trọ của mình và bảo: “Vào tháo cho anh cái mô tơ”, S đồng ý. Th đập cầu dao tắt điện để vô hiệu hóa hệ thống camera khu trọ và gọi điện cho Đ: “Anh sang đi, em về tắt camera rồi”. Một lúc sau, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 90D1-052.60 đến khu phòng trọ của Th. Đ lấy trong cốp xe ra 01 chiếc cờ-lê và 01 chiếc mỏ-lết đưa cho Th, Th đưa cho S 01 chiếc cờ-lê, Đ bật đèn pin điện thoại soi cho Th và S sử dụng mỏ-lết, cờ-lê tháo mở ốc chiếc mô tơ máy cắt trong khu nhà xưởng của ông T. Sau 15 phút, cả ba tháo được chiếc mô tơ máy cắt sắt và quay sang tháo mở ốc chiếc mô tơ máy uốn sắt nhưng không được, nên S nói: “Cái này phải dùng cả lực lẫn thì mới tháo được”. Lúc này, Đ liền bê chiếc mô tơ máy cắt sắt do Th và S vừa tháo được, để lên giá đèo hàng ở giữa xe mô tô biển kiểm soát 90D1-052.60 và điều khiển xe chở về phòng trọ của Đ cách đó khoảng 100m cất giấu. Sau đó, Đ lấy 01 chiếc lục giác, rồi điều khiển xe mô tô quay lại phòng trọ của Th đưa cho S sử dụng, còn Đ tiếp tục dùng đèn pin điện thoại soi cho Th và S tháo mở ốc chiếc mô tơ máy uốn sắt; khoảng 05 đến 07 phút, thì cả ba tháo được chiếc mô tơ. Th và S khênh chiếc mô tơ ra ngoài, S ngồi phía sau ôm chiếc mô tơ, còn Đ điều khiển xe mô tô chở chiếc mô tơ về phòng trọ của Đ cất giấu. Ngày 23/01/2021, ông Trần Văn T đến khu xưởng, kiểm tra thì phát hiện bị mất trộm 02 chiếc mô tơ. Ông T đã gặp Th để nói chuyện, nhưng Th không thừa nhận việc trộm cắp 02 chiếc mô tơ này. Ngày 27/01/2021, ông T trình báo Công an huyện Thanh Liêm. Cũng trong ngày 27/01/2021, Đ bảo S chở 02 chiếc mô tơ trên đến khu nhà xưởng của ông T để trả lại.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 23/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh L kết luận: “Giá 01 chiếc mô tơ điện loại 3KW sản xuất tại Trung Quốc đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 22/01/2021 là 2.300.000 đồng. Giá 01 chiếc mô tơ điện loại 7,5KW sản xuất tại Trung Quốc đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 22/01/2021 là 6.300.000 đồng”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HSST ngày 04/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí hình sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2021, bị cáo Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam sau khi phân tích, đánh giá toàn bộ nội dung vụ án có quan điểm: Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo xuất trình Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3 và Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba mang tên ông Nguyễn Văn Th là bố đẻ của bị cáo; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Đ, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 63/2021/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo đầy đủ nội dung, trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; lời khai của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 30 ngày 22/01/2021, tại khu nhà xưởng của ông Trần Văn T thuộc xóm Mới, thôn Bồng L, xã Thanh Ngh, huyện Thanh L, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Th và Phạm Thanh S đã lén lút trộm cắp 01 mô tơ điện loại 3Kw trị giá 2.300.000 đồng và 01 mô tơ điện loại 7,5Kw trị giá 6.300.000 đồng (tổng trị giá là 8.600.000 đồng) của ông T.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm cải tạo và giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ tội phạm, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xử phạt bị cáo 15 (Mười lăm) tháng tù là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xuất trình Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng ba; Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba mang tên ông Nguyễn Văn Th là bố đẻ của bị cáo; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bản thân là lao động chính có xác nhận của chính quyền địa phương. Nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo là người sinh ra trong gia đình có công với cách mạng; tài sản bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn và sau khi vụ việc bị phát hiện đã trả lại tài sản và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; bị cáo còn là lao động chính trong gia đình, có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Sửa bản án sơ thẩm số 63/2021/HSST ngày 04/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65, Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho UBND xã Tiên S, thị xã Duy T, tỉnh Hà Nam giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn Đ không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV và THA Tòa án tỉnh;
- TAND huyện Thanh L;
- THADS huyện Thanh L;
- VKSND huyện Thanh L;
- Công an huyện Thanh L;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ C.an tỉnh;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương